TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NGẠN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12-9-2022
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Giáp Văn Phẩm.

Ông Vũ Ngọc Côn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Minh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Đào Duy Đông, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 264/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022 về việc tranh chấp "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92a/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 61a/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Q, sinh năm 1994; trú tại thôn M, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phan Văn C, sinh năm 1990; trú tại thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17-5-2022, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là chị Trần Thị Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phan Văn C kết hôn từ ngày 14-02-2022, trước khi kết hôn có được tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống cùng nhau ngay, ban đầu tình cảm hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ ngày 01-3-2022 đến tháng 5-2022 thì mâu thuẫn căng thẳng. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không bảo ban được nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Vì vậy chị đã bỏ về nhà ngoại sống ly thân anh C từ ngày 13-5-2022 đến nay, không

ai còn quan tâm đến ai. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phan Văn C.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, anh Phan Văn C trình bày:

Anh và chị Trần Thị Q kết hôn vào ngày 14-02-2022, trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu, được tổ chức cưới hỏi theo phong tục và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay đến cuối tháng 5-2022 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng hiểu lầm nhau nên xảy ra cãi nhau. Chị Q đã bỏ về nhà ngoại sống ly thân anh từ ngày 14-5-2022 đến nay. Nay chị Q xin ly hôn, anh thấy tình cảm của anh vẫn còn, anh muốn chị Q suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ xây dựng cuộc sống gia đình.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, không liên quan vay nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Q vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Phan Văn C vắng mặt. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án và công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên xử: Cho chị Trần Thị Q được ly hôn anh Phan Văn C. Về con chung, tài sản chung, công nợ: Không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc chị Trần Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần Thị Q có đơn xin ly hôn đối với anh Phan Văn C. Bị đơn anh Phan Văn C có hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã T, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Hội đồng xét xử xác định: Về quan hệ pháp luật đây là vụ án tranh chấp "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Về thẩm quyền: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Q vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Phan Văn C đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt chị Q, anh C.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Chị Trần Thị Q kết hôn với anh Phan Văn C trên cơ sở có sự tự do tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 14 tháng 02 năm 2022 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Anh chị chung sống được thời gian được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không bảo ban được nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình nên xảy ra tranh cãi, đã ly thân từ ngày 13-5-2022 đến nay không ai quan tâm đến ai. Cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

[4] Hội đồng xét xử thấy: Quan hệ hôn nhân của chị Trần Thị Q và anh Phan Văn C là hợp pháp. Hiện nay chị Trần Thị Q và anh Phan Văn C không còn sống chung cùng nhau, không ai quan tâm đến ai. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng cả chị Trần Thị Q và anh Phan Văn C đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thị Q vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh Phan Văn C. Bị đơn anh C không đồng ý ly hôn nhưng anh không đến Toà án tham gia phiên hòa giải, phiên xét xử. Hội đồng xét xử thấy nguyện vọng đoàn tụ của anh C là không có căn cứ chấp nhận mà chỉ nhằm kéo dài cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trần Thị Q và anh Phan Văn C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Trần Thị Q được ly hôn anh Phan Văn C.

[5] Về con chung: Chị Trần Thị Q và anh Phan Văn C chưa có con chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): Chị Trần Thị Q và anh Phan Văn C trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc chị Trần Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Q được ly hôn anh Phan Văn C.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Q phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010868 ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Trần Thị Q đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn.
- UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Lương Thị Ngọc Hà